

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA GIÁNG VIÊN TRUNG TÂM GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH - ĐẠI HỌC HUẾ

Trương Đình Toàn^a, Lê Hải Yến^b

a Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh - Đại học Huế

b Khoa Giáo dục thể chất - Đại học Huế

Tóm tắt

Hoạt động NCKH là một nội dung quan trọng trong giáo dục vì không những nâng cao chất lượng đào tạo mà còn phát triển tư duy, tạo ra tri thức mới, sản phẩm mới phục vụ trong đời sống xã hội. Đồng thời thực hiện mối quan hệ của người giảng viên “giảng dạy kết hợp với thực nghiệm và nghiên cứu khoa học”. Tuy nhiên vẫn còn một số giảng viên chưa chú trọng đến hoạt động nghiên cứu khoa học dẫn đến tình trạng không đồng đều trong hoạt động NCKH giữa các giảng viên trong trung tâm. Bài viết này nhằm đánh giá kết quả khảo sát của 48 giảng viên Trung tâm GDQP&AN - Đại học Huế với các giảng viên của các trường đại học thành viên và đơn vị trực thuộc Đại học Huế. Nhằm so sánh tìm hiểu thực trạng không đồng đều trong nghiên cứu khoa học của giảng viên từ đó có biện pháp nhằm tháo gỡ và đẩy mạnh hoạt động này tốt hơn.

Từ khóa: Giảng viên, nghiên cứu khoa học.

1. Đặt vấn đề

Thực tiễn và lý luận đều chứng minh rằng: NCKH và giảng dạy có mối quan hệ hữu cơ với nhau, gắn kết chặt chẽ với nhau và hỗ trợ cho nhau. NCKH tạo cơ sở, điều kiện, tiền đề nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy ở trên lớp. Ngược lại, công tác giảng dạy phản ánh kết quả của hoạt động NCKH. Do vậy, có thể khẳng định rằng, cùng với hoạt động giảng dạy, NCKH là thước đo năng lực chuyên môn của giảng viên

Trong hoạt động nghiên cứu khoa học của Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh - Đại học Huế đã đạt được một số thành tựu đáng kể đã được Đại học Huế quan tâm, tạo điều kiện đầu tư kinh phí không nhỏ. Hoạt động nghiên cứu khoa học đã góp phần bồi dưỡng đội ngũ nâng cao chất lượng giảng dạy thông qua việc kết hợp giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được hoạt động NCKH của Trung tâm vẫn còn một số tồn tại: Một số giảng viên vẫn còn xem nhẹ hoạt động nghiên cứu khoa học. Dẫn đến chất lượng các bài báo, đề tài chưa được cao, việc xã hội hóa các đề tài hầu như là không có, việc áp dụng các đề tài vào thực tiễn chỉ nằm trên giấy bút ít vận dụng và thực tiễn. Vì vậy thực tế đã xảy ra tình trạng không đồng đều trong hoạt động NCKH của giảng viên Trung tâm.

Nghiên cứu dựa vào kết quả khảo sát bằng phiếu trả lời trắc nghiệm của 52 phiếu và đã chọn lọc được 48 phiếu hợp lệ của giảng viên Trung tâm và giảng viên các trường đại học thành viên và đơn vị trực thuộc Đại học Huế. Nhằm tìm hiểu tình trạng không đồng đều trong nghiên cứu khoa học của giảng viên Trung tâm, động cơ nghiên cứu khoa học, khó khăn của giảng viên trong hoạt động NCKH từ đó góp phần đẩy mạnh hoạt động NCKH của giảng viên đáp ứng yêu cầu của Trung tâm và hội nhập tri thức theo xu thế thời đại

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khách thể nghiên cứu

Nghiên cứu đã tiến hành khảo sát 52 giảng viên, tất cả những người tham gia đều đồng ý tham gia vào nghiên cứu. Trước khi trả lời vào phiếu hỏi, chúng tôi đã cam kết bảo mật thông tin cá nhân do giảng viên cung cấp. Cuối cùng, có 48 phiếu hợp lệ với tỷ lệ là 92,3%.

- Về giới tính, nam chiếm tỷ lệ cao hơn nữ nhiều. Cụ thể có 36 giảng viên nam (chiếm 75%) và 12 giảng viên nữ (chiếm 25%).

- Về độ tuổi, giảng viên được khảo sát có tuổi từ 25 đến 55 tuổi, trong đó từ 25-35 tuổi chiếm 44%; từ 36-45 tuổi chiếm 43,3%; từ 46-55 tuổi chiếm 12,7%.

Bảng 1. Đặc điểm của đối tượng khảo sát

Tiêu chí	Tần suất	Tỷ lệ (%)
Giới tính		
Nam	36	75
Nữ	12	25
Độ tuổi		
25 - 35 tuổi	19	39,6
36 - 45 tuổi	23	47,9
Từ 46 - 55 tuổi	6	12,5

(Nguồn: Phân tích từ số liệu điều tra của nhóm tác giả, năm 2021)

Về thời gian công tác tại Trung tâm; các trường đại học thành viên và đơn vị trực thuộc Đại học Huế, các giảng viên được khảo sát có từ 2 năm đến 30 năm công tác tại Đại học Huế. Trong đó, nhiều nhất là từ 6-15 năm (52,6%).

Bảng 2. Số năm công tác của giảng viên được khảo sát

Năm công tác	Tần suất	Tỷ lệ (%)
Từ 2 đến 5 năm	5	10,4
Từ 6 đến 15 năm	27	56,3
Từ 16 đến 30 năm	16	33,3
Tổng số	48	100,0

(Nguồn: Phân tích từ số liệu điều tra của nhóm tác giả, năm 2021)

Bảng 3. Tình trạng hôn nhân của giảng viên khảo sát

Tình trạng hôn nhân	Tần suất	Tỷ lệ (%)
Độc thân	2	4,2
Kết hôn	44	91,6
Khác	2	4,2
Tổng số	48	100,0

(Nguồn: Phân tích từ số liệu điều tra của nhóm tác giả, năm 2021)

Về tình trạng hôn nhân, có 2 trường hợp giảng viên sống độc thân (4,2%); 45 trường hợp kết hôn (91,6%); 2 trường hợp ly hôn (4,2%).

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Để đánh giá thực trạng hoạt động NCKH của giảng viên Trung tâm chúng tôi nghiên cứu sử dụng phương pháp thu thập phân tích dữ liệu, điều tra, khảo sát, hỏi ý kiến chuyên gia, các nhà quản lý khoa học và xử lý kết quả bằng phương pháp thống kê toán học. Phương pháp điều tra bằng phỏng vấn được sử dụng thu thập dữ liệu liên quan đến hoạt động NCKH của giảng viên đồng thời chúng tôi tiến hành khảo sát 24 giảng viên Trung tâm và 24 giảng viên các trường đại học thành viên và đơn vị trực thuộc Đại học Huế

2.3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

2.3.1. Kết quả nghiên cứu khoa học của giảng viên

Trong giai đoạn 2015 - 2020, Đại học Huế đã thực hiện 720 đề tài trong đó, có 622 đề tài cấp Đại học Huế, 98 đề tài cấp Bộ bên cạnh đó giảng viên Đại học Huế cũng có nhiều bài báo khoa học được công bố quốc tế. Vì vậy theo Webometrics Ranking of World Universities công bố xếp hạng đại học kỳ 1.2021 Đại học Huế xếp thứ 7 Việt Nam, thứ 2732 thế giới. Đối với Trung tâm trong giai đoạn 2015 - 2020 chỉ có 2 đề tài thực hiện cấp Đại học Huế và 21 đề tài cấp cơ sở. Từ đó cho thấy hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên tại Trung tâm còn khiêm tốn so với hoạt động NCKH của giảng viên Đại học Huế thể hiện qua bảng khảo sát kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học của 24 giảng viên Trung tâm so sánh ngẫu nhiên với 24 giảng viên các trường đại học thành viên Đại học Huế và các đơn vị trực thuộc Đại học Huế.

Bảng 4. Số lượng đề tài NCKH thời kỳ 2015 - 2020

Số lượng đề tài	24 GV Trung tâm						24 GV các trường đại học thành viên và đơn vị trực thuộc Đại học Huế					
	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2015	2016	2017	2018	2019	2020
	Cấp Đại học Huế						Cấp Đại học Huế					
				1	0	1	1	2	1	2	3	2
	Cấp cơ sở						Cấp cơ sở					
	3	3	6	2	3	4	2	4	5	7	5	6

(Nguồn: Phân tích từ số liệu điều tra của nhóm tác giả, năm 2021)

Qua dữ liệu khảo sát cho thấy giảng viên các trường đại học thành viên và các đơn vị trực thuộc Đại học Huế đều tham gia thực hiện đề tài từ cấp cơ sở trở lên. Trong số 23 đề tài được giảng viên Trung tâm thực hiện, có đến 6 giảng viên thực hiện từ 2 đề tài trở lên trong giai đoạn 2015 - 2020. Như vậy trong 24 giảng viên thì có đến 10 giảng viên chưa chủ nhiệm và chưa tham gia đề tài, điều đó phản ánh giảng viên Trung tâm chưa quan tâm tới hoạt động NCKH.

2.3.2. Ý nghĩa hoạt động nghiên cứu khoa học đối với giảng viên Trung tâm

Về ý nghĩa của hoạt động NCKH, đa số các ý kiến được khảo sát đều đồng ý với 9 ý nghĩa được đưa ra trong phiếu khảo sát. Trong đó, NCKH Nhằm vận dụng lý luận vào thực tiễn có sự đồng ý với mức cao nhất (4,53). Các ý nghĩa được đánh giá không cao là: NCKH là Thể hiện năng lực chuyên môn của giảng viên (3,55) và NCKH Tăng thêm thu nhập cho giảng viên (3,48).

Bảng 5. Ý nghĩa hoạt động nghiên cứu khoa học đối với giảng viên

TT	Tiêu chí	Chỉ số trung bình
1	Nhằm vận dụng lý luận vào thực tiễn	4,53
2	Bổ sung những kiến thức mới	4,36

3	Nhằm giải quyết những vấn đề quan tâm, thắc mắc	4,29
4	Nâng cao chất lượng giảng dạy	4,26
5	Nâng cao vị thế cho người giảng viên	4,14
6	Là nhiệm vụ của giảng viên	4,08
7	Nảy sinh ý tưởng khoa học mới	3,89
8	Thể hiện năng lực chuyên môn của giảng viên	3,55
9	Tăng thêm thu nhập cho giảng viên	3,48

(Nguồn: Phân tích từ số liệu điều tra của nhóm tác giả, năm 2021)

Thực tế hiện nay, giảng viên thường đánh giá NCKH không nhằm mục tiêu tạo thu nhập. Hầu hết giảng viên cho rằng nguồn thu nhập chính của họ đến từ giảng dạy. Tại hội thảo Giải pháp tạo động lực cho giảng viên đại học tham gia NCKH và chuyển giao công nghệ được Bộ GD&ĐT tổ chức ngày 18/12/2018 tại Hà Nội, nhiều ý kiến cho rằng giảng viên dạy quá nhiều nên ít tham gia NCKH.

2.3.3. Động cơ hoạt động NCKH của giảng viên Trung tâm

Nhận thức về ý nghĩa của NCKH cũng liên quan đến động cơ hoạt động NCKH của giảng viên. Theo kết quả khảo sát động cơ hoạt động NCKH của giảng viên bằng câu hỏi đa lựa chọn cho thấy có 95 lựa chọn.

Theo đó, động cơ được lựa chọn nhiều nhất là do bắt buộc 87,5%; động cơ khẳng định năng lực bản thân có tỷ lệ thấp hơn 66,7%; động cơ hoạt động NCKH sáng tạo cái mới 62,5%; đáp ứng công tác đào tạo 58,3%; tình yêu nghề 50%; là cơ sở để xét thi đua, chức danh 41,7% và thấp nhất là vì lợi ích kinh tế 29,2%.

Bảng 6. Động cơ hoạt động NCKH của giảng viên

Động cơ tham gia NCKH	Số lần	Tỉ lệ %
Do bắt buộc	21	87,5
Khẳng định năng lực bản thân	16	66,7
Sáng tạo cái mới	15	62,5
Đáp ứng công tác đào tạo	14	58,3
Tình yêu nghề	12	50,0
Là cơ sở để xét thi đua, chức danh	10	41,7
Vì lợi ích kinh tế	7	29,2

(Nguồn: Phân tích từ số liệu điều tra của nhóm tác giả, năm 2021)

Như vậy, rất ít giảng viên chọn động cơ hoạt động NCKH để tạo lợi ích kinh tế. Quan niệm như vậy cũng là nguyên nhân làm cho giảng viên ít tham gia NCKH. Hiện nay, các định mức trong hoạt động NCKH chưa tạo ra động lực vật chất cho giảng viên NCKH.

Để tạo động lực cho giảng viên NCKH, ông Lê Minh Tiến cho rằng các trường đại học cần cho phép giảng viên được quy đổi giờ NCKH thành giờ giảng, tức là khi càng có nhiều điểm trong NCKH thì càng giảm được số tiết dạy nghĩa vụ hằng năm. Với giải pháp này, giảng viên có thể sống được nhờ

NCKH mà không phụ thuộc vào giảng dạy như thực trạng hiện nay của Trung tâm.

2.3.4. Những trở ngại trong hoạt động NCKH của giảng viên

Những trở ngại trong hoạt động NCKH	Số lần	Tỉ lệ %
Việc NCKH tốn nhiều thời gian, công sức	22	91,7
Thời gian giảng dạy quá nhiều	20	83,3
Tài liệu phục vụ hoạt động NCKH quá ít	19	79,2
Nguồn lực CSVN hoạt động NCKH chưa đáp ứng	19	79,2
Năng lực về NCKH còn hạn chế	18	75,0
Chưa nắm vững phương pháp NCKH	17	70,8
Chưa tham gia nhóm NCKH trong và ngoài đơn vị	17	70,8
Trình độ CNTT và ngoại ngữ còn hạn chế	16	66,7
Kinh phí chưa đáp ứng để thực hiện đề tài	14	58,3
Chưa được tập huấn về hoạt động nghiên cứu khoa học	12	50,0
Xét duyệt đề tài còn nhiều bất cập	11	45,8
Cần quy đổi giờ NCKH sang giờ dạy	10	41,7
Thủ tục thanh toán kinh phí đề tài còn nhiều rắc rối	9	37,5

(Nguồn: Phân tích từ số liệu điều tra của nhóm tác giả, năm 2021)

Kết quả khảo sát này cũng phù hợp với nhiều nghiên cứu khác và ý kiến các chuyên gia. Tại Hội nghị “*Đẩy mạnh hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học giai đoạn 2017-2025*”, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Phùng Xuân Nhạ cho rằng: *Thực tế hiện nay thời gian, sức lực của giảng viên các trường đại học phần lớn dành cho đào tạo, còn phần NCKH đều được xếp sau.* Điều này cũng đánh giá đúng khi yếu tố NCKH chiếm nhiều thời gian, công sức; thời gian giảng dạy quá nhiều chiếm tỉ lệ cao thứ nhất và thứ hai, nó phù hợp với thực tiễn mức giảng dạy của Trung tâm là: trung bình giờ giảng của 1 giảng viên 710.2 giờ giảng trong 1 năm (năm 2019) và 582.2 giờ (năm 2020); nhưng số giờ NCKH trung bình của 1 giảng viên trong 1 năm là 175 giờ (năm 2019) và 107.1 (năm 2020), trong khi đó số giờ thực hiện đề tài trong năm 2019 và năm 2020 chỉ có 05 đề tài cấp cơ sở (Nguồn Phòng Hậu cần, Tài chính, Kỹ thuật và Phòng Đào tạo, Quản lý sinh viên, Đối tượng bồi dưỡng Trung tâm).

Một trở ngại không kém trong hoạt động NCKH đối với giảng viên là tài liệu, cơ sở vật chất phục vụ cho NCKH chưa đáp ứng được yêu cầu hoạt động NCKH tại Trung tâm, điều này tác động đến tâm lý e ngại, không muốn đăng ký đề tài khoa học.

Nguyên nhân nữa là năng lực về NCKH và phương pháp NCKH còn hạn chế. Kết quả khảo sát cũng cho thấy nhiều giảng viên đồng ý với lý do này, vì chương trình đào tạo tại Trung tâm là giáo dục quốc phòng và an ninh, trong khi đó môn phương pháp NCKH không có trong chương trình đào tạo. Do vậy, vẫn tồn tại một số giảng viên chưa nắm được phương pháp NCKH, xây dựng đề cương, cách trình bày một công trình nghiên cứu. Bên cạnh đó yếu tố công nghệ thông tin, trình độ ngoại ngữ còn hạn chế dẫn đến cách tìm tài liệu tham khảo gặp nhiều khó khăn cản trở, việc phụ thuộc vào sử dụng tiếng việt cũng là bất lợi vì các nguồn tài liệu do các nhà nghiên cứu trong nước biên soạn hoặc dịch lại nguyên bản, đó đó tính chất thực của tài liệu sử dụng giảm rất nhiều và nội dung nghiên cứu chưa phong phú. Điều này cũng được nhiều giảng viên đồng ý song song với việc chưa

tham gia các nhóm nghiên cứu khoa học trong và ngoài đơn vị là một bất lợi rõ nét nhất, khi giải quyết một vấn đề, giảng viên phải tự mình đặt vấn đề và giải quyết vấn đề mà không có sự hỗ trợ từ các đồng nghiệp, bạn bè hoặc những nhà khoa học nghiên cứu mạnh.

Ngoài ra, còn rất nhiều trở ngại khác dẫn đến giảng viên chưa chú trọng trong hoạt động NCKH là: Thủ tục thanh toán kinh phí đề tài còn nhiều rắc rối; xét duyệt đề tài còn nhiều bất cập; chưa được tập huấn về hoạt động nghiên cứu khoa học; quy đổi giờ NCKH sang giờ dạy vv...

3. Kết luận

Hoạt động NCKH của giảng viên Trung tâm không chỉ góp phần sáng tạo ra tri thức mới phục vụ xã hội phát triển mà còn góp phần nâng cao chất lượng cho giảng dạy, đưa vào bài giảng những kiến thức mới. Với sự bùng nổ thông tin trên toàn cầu như hiện nay, tri thức của nhân loại không ngừng tăng lên, một giảng viên không làm nghiên cứu sẽ truyền đạt cho sinh viên những kiến thức cũ, không cập nhật kiến thức mới sẽ làm cho bài giảng trở nên lạc hậu, có ít hoặc không còn giá trị. Hơn nữa, giảng viên NCKH sẽ thúc đẩy sinh viên NCKH và cải tiến phương pháp học tập theo hướng nghiên cứu. Vì vậy, việc nâng cao nhận thức cho giảng viên về ý nghĩa, tầm quan trọng của NCKH là giải pháp rất quan trọng. Giải pháp này phải được cụ thể hóa bằng cách chính sách thúc đẩy giảng viên NCKH.

Kết quả nghiên cứu đã khẳng định có tình trạng không đồng đều trong tham gia hoạt động NCKH của giảng viên giữa các khoa, giữa các bộ môn trong từng khoa và giữa các giảng viên trong từng bộ môn. Nhiều giảng viên vẫn quan niệm: “Nhiệm vụ chính của mình là giảng dạy”; không ít giảng viên chưa từng tham gia hoạt động NCKH. Thực trạng trên cho thấy Trung tâm cần đẩy mạnh hơn nữa hoạt động NCKH, tạo ra sự đồng đều hơn trong NCKH giữa các giảng viên trong Trung tâm.

ACTIVITIES SCIENTIFIC RESEARCH ACTIVITIES OF TEACHERS

CENTER FOR EDUCATION AND SECURITY - HUE UNIVERSITY

Truong Dinh Toan^a, Le Hai Yen^b, Nguyen Van Loi^b, Nguyen Quang Tung^b

a. Center for National Defense and security Education - Hue University

b. Faculty of Physical Education - Hue University

Summary

Scientific research activities are an important content in education because not only improve the quality of training but also develop thinking, create new knowledge and new products to serve in social life. At the same time, the lecturer's relationship is exercised “teaching combined with experiment and scientific research”. However, there are still some lecturers who do not pay attention to scientific research activities, leading to the uneven situation in scientific research activities among lecturers in the center. This article aims to evaluate the survey results of 48 lecturers of Center for National Defense and Security - Hue University with lecturers from member universities and units affiliated to Hue University. In order to compare and understand the unequal situation in scientific research of lecturers, there are measures to better solve and promote this activity.

Keywords: Lecturer, scientific research